

CIRCULAR No. 96/2015 / TT-BTC AND PROBLEMS OF ACCOUNTS AND RECEIVABLES

THÔNG TƯ 96/2015/TT-BTC VÀ NHỮNG VƯỚNG MẮC CỦA KẾ TOÁN VỀ CÔNG NỢ PHẢI THU, PHẢI TRẢ

At a business always arise many different documents and professional. In such vouchers and transactions arise a business in general and an accountant in particular always need to consider how to comply with the provisions of state law. So today, we will discuss the deductible and deductible expenses together with the determination of taxable income and liabilities.

Tại một doanh nghiệp luôn phát sinh nhiều chứng từ, nghiệp vụ khác nhau. Trong những chứng từ, nghiệp vụ phát sinh đó thì một doanh nghiệp nói chung và một kế toán viên nói riêng luôn cần phải xem xét hạch toán làm sao để tuân thủ đúng theo quy định của luật nhà nước ban hành. Vì vậy, hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau thảo luận về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế và các khoản công nợ phải trả.

I. Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi bổ sung cho thông tư 78/2015/TT-BTC

Tại Thông tư 96/2015/TT-BTC đã sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC thì kế toán cần đặc biệt chú ý tới các điểm chính như sau:

1. Về doanh thu tính thuế

1.1. Thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động dịch vụ

- **Trước năm 2015:** Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ. Trường hợp thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ xảy ra trước thời điểm dịch vụ hoàn thành thì thời điểm xác định doanh thu tính thuế được tính theo thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ.

- **Từ năm 2015:** Để phù hợp với chế độ kế toán đã sửa đổi: Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua trừ trường hợp nêu tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong một số trường hợp cụ thể), khoản 1 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC (doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi).

1.2. Về tỷ giá quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam trong trường hợp doanh nghiệp có phát sinh doanh thu và chi phí bằng ngoại tệ

Trường hợp DN có phát sinh doanh thu, chi phí, giá tính thuế bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán doanh thu là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại, nơi người nộp thuế mở tài khoản.

- Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán chi phí là tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại, nơi người nộp thuế mở tài khoản tại thời điểm phát sinh giao dịch thanh toán ngoại tệ.

- Các trường hợp cụ thể khác thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Trước năm 2015: quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu, chi phí bằng ngoại tệ.

Một số điểm chú ý ở trên là phần kế toán cần phải ghi nhớ và lưu ý khi xác định ghi nhận doanh thu cho đúng, phù hợp với quy định của pháp luật nhằm đem lại lợi ích tốt nhất cho doanh nghiệp mà cũng không trái với quy định của nhà nước ban hành.

Bên cạnh, các bút toán ghi nhận doanh thu là các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được phần thu nhập. Nhưng khi hạch toán các bút toán về các khoản chi phí này thì kế toán đã xác định được đúng các khoản chi phí này là hợp lý, hợp lệ, hợp pháp hay chưa?

2. Về các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

Ngoài các khoản chi phí được quy định tại Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC thì TT 96/2015/TT-BTC đã có một số sửa đổi như sau:

2.1. Đối với chi phí liên quan đến phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường.

a) Hồ sơ đối với tài sản, hàng hóa bị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn được tính vào chi phí được trừ như sau:

- Biên bản kiểm kê giá trị tài sản, hàng hóa bị tổn thất do doanh nghiệp lập.
- Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có).
- Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (nếu có).

Trước năm 2015 phải có thêm:

- Văn bản của doanh nghiệp gửi cơ quan thuế trực tiếp quản lý giải trình về tài sản, hàng hóa bị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và văn bản này phải gửi cơ quan thuế cùng với hồ sơ quyết toán thuế TNDN năm tài sản, hàng hóa bị tổn thất.

- Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn, Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế nơi xảy ra sự việc thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn là trong thời gian đó có xảy ra thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn.

b) Hồ sơ đối với hàng hóa bị hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên, hàng hóa hết hạn sử dụng, được tính vào chi phí được trừ như sau:

- Biên bản kiểm kê giá trị hàng hóa bị hư hỏng do doanh nghiệp lập.
- Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có).
- Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (nếu có).

Trước năm 2015 phải có thêm:

Văn bản của DN gửi cơ quan thuế trực tiếp quản lý giải trình về hàng hóa bị hư hỏng do hết hạn sử dụng, bị hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên. Đồng thời, doanh nghiệp phải gửi cơ quan thuế trực tiếp quản lý văn bản này khi nộp hồ sơ kê khai quyết toán thuế TNDN theo quy định của năm xảy ra tài sản, hàng hóa bị tổn thất, bị hư hỏng.

* Hồ sơ xác định giá trị tổn thất được lưu tại doanh nghiệp và xuất trình với cơ quan thuế khi cơ quan thuế yêu cầu.

2.2. Về chi khấu hao tài sản cố định

Ngoài các khoản chi khấu hao TSCĐ theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC, từ năm 2015 có bổ sung các tài sản cố định của doanh nghiệp phục vụ cho người lao động và để tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm: thư viện, nhà trẻ, khu thể thao và các thiết bị, nội thất đủ điều kiện là tài sản cố định lắp đặt trong các công trình phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp; cơ sở vật chất, máy, thiết bị là tài sản cố định dùng để tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2.3. Về phần chi vượt định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá

Bổ quy định doanh nghiệp tự xây dựng, quản lý định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá sử dụng vào sản xuất, kinh doanh làm cơ sở xác định chi nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá phần vượt mức tiêu hao hợp lý không được tính vào chi phí được trừ.

Đối với phần chi vượt định mức tiêu hao đối với một số nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá đã được Nhà nước ban hành định mức sẽ không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

2.4. Về chi trả tiền thuê tài sản của cá nhân

Bổ sung quy định được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế đối với khoản chi trả tiền thuê tài sản của cá nhân có đầy đủ hồ sơ, chứng từ như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản và chứng từ trả tiền thuê tài sản.

- Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân mà tại hợp đồng thuê tài sản có thoả thuận doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản, chứng từ trả tiền thuê tài sản và chứng từ nộp thuế thay cho cá nhân.

- Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân mà tại hợp đồng thuê tài sản có thoả thuận tiền thuê tài sản chưa bao gồm thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) và doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ tổng số tiền thuê tài sản bao gồm cả phần thuế nộp thay cho cá nhân.

Về việc công chứng, chứng thực hợp đồng cho thuê nhà

Theo văn bản số 4528/TCT-PC ngày 02/11/2015 của Tổng cục Thuế về việc công chứng, chứng thực hợp đồng cho thuê nhà ở thì:

- Trường hợp hợp đồng thuê nhà được ký trước ngày Luật nhà ở số 65/2014/QH13 có hiệu lực thi hành (ngày 01/07/2015) nếu thời hạn thuê từ 06 tháng trở lên thì phải có công chứng hoặc chứng thực và phải đăng ký.

- Trường hợp hợp đồng thuê nhà được ký từ ngày 01/07/2015, theo quy định của Luật nhà ở số 65/2014/QH13 sẽ không bắt buộc phải có công chứng hoặc chứng thực, trừ trường hợp các bên trong hợp đồng có nhu cầu.

2.5. Về chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

- **Trước năm 2015:** Khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ thuộc các khoản chi mua bảo hiểm tự nguyện cho người lao động được tính vào chi phí được trừ nhưng không vượt quá 01 triệu đồng/tháng/người.

Từ năm 2015: Bỏ không chế đối với khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động và bổ sung quy định không được tính vào chi phí được trừ đối với chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thoả ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty.

- Bổ sung quy định trường hợp doanh nghiệp Việt Nam ký hợp đồng với doanh nghiệp nước ngoài trong đó nêu rõ doanh nghiệp Việt Nam phải chịu các chi phí về chỗ ở cho các chuyên gia nước ngoài trong thời gian công tác ở Việt Nam thì tiền thuê nhà cho các chuyên gia nước ngoài làm việc tại Việt Nam do doanh nghiệp Việt Nam chi trả được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.6. Về chi trang phục cho người lao động sửa đổi, bổ sung như sau:

- **Trước năm 2015:** Phần chi trang phục bằng tiền, bằng hiện vật cho người lao động vượt quá 05 (năm) triệu đồng/người/năm không được tính vào chi phí được trừ. Trường hợp doanh nghiệp có chi trang phục cả bằng tiền và hiện vật cho người lao động thì mức chi tối đa để tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế không vượt quá 05 (năm) triệu đồng/người/năm.

- **Từ năm 2015:** Bỏ mức khống chế đối với trường hợp doanh nghiệp có chi trang phục cho người lao động bằng hiện vật, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ nếu có hóa đơn, chứng từ theo quy định.

Không tính vào chi phí được trừ đối với phần chi trang phục bằng tiền cho người lao động vượt quá 05 (năm) triệu đồng/người/năm.

Trường hợp doanh nghiệp có chi trang phục cả bằng tiền và hiện vật cho người lao động để được tính vào chi phí được trừ thì mức chi tối đa đối với chi bằng tiền không vượt quá 05 (năm) triệu đồng/người/năm, bằng hiện vật phải có hóa đơn, chứng từ.

2.7. Về khoản chi phụ cấp cho người lao động đi công tác

- **Trước năm 2015:** Doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN đối với phần chi phụ cấp cho người lao động đi công tác trong nước và nước ngoài vượt quá 02 lần mức quy định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với cán bộ công chức, viên chức Nhà nước.

Từ năm 2015: Bỏ mức khống chế đối với khoản chi phụ cấp cho người lao động đi công tác, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ nếu có hóa đơn, chứng từ theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp có khoản phụ cấp cho người lao động đi công tác và thực hiện đúng theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của doanh nghiệp thì được tính vào chi phí được trừ khoản chi khoán.

- **Bổ sung quy định:** Trường hợp doanh nghiệp cử người lao động đi công tác (bao gồm công tác trong nước và công tác nước ngoài) nếu có phát sinh chi phí từ 20 triệu đồng trở lên, chi phí mua vé máy bay mà các khoản chi phí này được thanh toán bằng thẻ ngân hàng của cá nhân thì đủ điều kiện là hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và tính vào chi phí được trừ nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Có hóa đơn, chứng từ phù hợp do người cung cấp hàng hóa, dịch vụ giao xuất.

+ Doanh nghiệp có quyết định hoặc văn bản cử người lao động đi công tác.

+ Quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của doanh nghiệp cho phép người lao động được phép thanh toán khoản công tác phí, mua vé máy bay bằng thẻ ngân hàng do cá nhân là chủ thẻ và khoản chi này sau đó được doanh nghiệp thanh toán lại cho người lao động.

2.8. Về chi trả tiền điện, tiền nước

Bỏ quy định doanh nghiệp phải lập bảng kê thanh toán tiền điện, tiền nước theo mẫu số 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

2.9. Về chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu theo tiến độ góp vốn ghi trong điều lệ của doanh nghiệp.

- **Trước năm 2015:** Doanh nghiệp đã góp đủ vốn điều lệ, trong quá trình kinh doanh có khoản chi trả lãi tiền vay để đầu tư vào doanh nghiệp khác thì khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

- **Từ năm 2015:** Doanh nghiệp đã góp đủ vốn điều lệ, trong quá trình kinh doanh có khoản chi trả lãi tiền vay để đầu tư vào doanh nghiệp khác thì khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

2.10. Về chi tài trợ làm nhà cho người nghèo, nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết

Sửa đổi, bổ sung: Trường hợp bên nhận tài trợ là cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ thì hồ sơ xác định khoản tài trợ bao gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ và cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ là bên nhận tài trợ; hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền), không cần có văn bản xác nhận hộ nghèo của chính quyền địa phương (đối với tài trợ làm nhà cho người nghèo).

2.11. Bổ sung quy định chi tài trợ theo chương trình của Nhà nước bao gồm cả khoản tài trợ của doanh nghiệp cho việc xây dựng cầu mới dân sinh ở địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.12. Bổ sung một số khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế được tính vào chi phí được trừ như sau:

- Khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề nghiệp cho người lao động bao gồm:

+ Chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, thiết bị dùng để hoạt động giáo dục nghề nghiệp, vật liệu thực hành, các chi phí khác hỗ trợ cho người học.

+ Chi phí đào tạo của doanh nghiệp cho người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp

- Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động như: chi bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tự nguyện khác cho người lao động (trừ khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động).

Đồng thời bổ sung hướng dẫn: Trường hợp doanh nghiệp hoạt động không đủ 12 tháng thì việc xác định 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế được xác định bằng quỹ tiền lương thực hiện trong năm chia (:) số tháng thực tế hoạt động trong năm.

Việc doanh nghiệp Nhà nước có vốn của Nhà nước thì khoản chi có tính chất phúc lợi có được tính vào chi phí được trừ hay không?

Theo văn bản số 8738/BTC-TCT ngày 29/06/2015 của Bộ Tài chính về chính sách thuế TNDN thì khoản chi có tính chất phúc lợi nêu trên được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước, có vốn của Nhà nước.

2.13. Bổ sung hướng dẫn: Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vượt mức thực tế phát sinh của năm không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. Trường hợp nộp một lần, mức thực tế phát sinh của năm được xác định trên cơ sở tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phân bổ cho số năm khai thác còn lại. Trường hợp nộp hàng năm, mức thực tế phát sinh là số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của năm mà doanh nghiệp đã vào nộp ngân sách nhà nước.

2.14. Về chi phí đóng góp trực tiếp cho Cục Quản lý giám sát bảo hiểm – BTC:

Theo văn bản số 1713/BTC-TCT ngày 3/2/2015 hướng dẫn chứng từ xác định chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thì:

Từ ngày 01/01/2015 đến hết năm 2019, các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có các khoản đóng góp trực tiếp cho Cục Quản lý giám sát bảo hiểm – BTC thì khoản đóng góp này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế TNDN. Chứng từ để tính vào chi phí được trừ là: Phiếu chi của doanh nghiệp bảo hiểm; Phiếu thu của Cục quản lý giám sát bảo hiểm; Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản chi có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên theo quy định.

Trường hợp Luật phí, lệ phí ban hành có quy định khác thì thực hiện quy định tại Luật phí, lệ phí.

Một phần cũng rất quan trọng mà tất cả kế toán không thể bỏ qua và cũng có rất nhiều kế toán đã gặp khó khăn trong phần này. Vậy chúng ta sẽ qua phần

II. Công nợ phải trả quá hạn thanh toán (hoặc lâu ngày chưa được giải quyết).

- Số dư công nợ phải trả trên sổ kế toán chênh lệch với biên bản đối chiếu công nợ phải trả nhưng chưa được xử lý.

- Chưa thực hiện đối chiếu hoặc đối chiếu chưa đầy đủ công nợ với người bán tại thời điểm cuối năm.

- Các khoản phải trả bị hạch toán sai trong kỳ.

- Theo dõi công nợ chưa phù hợp: theo dõi trên hai mã cho cùng một đối tượng, không tiến hành bù trừ đối với các khoản công nợ của cùng một đối tượng.

- Không theo dõi chi tiết công nợ theo nguyên tệ đối với công nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

- Cuối kì, chưa đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch liên NH tại thời điểm lập BCTC.
- Phân loại sai nội dung các khoản phải trả khác vào các khoản phải trả người bán, không phân loại khoản phải trả thương mại và phi thương mại, hạch toán không đúng nội dung kinh tế.
- Chưa hạch toán tiền lãi phải trả cho người bán nếu mua trả chậm.
- Không có bảng phân tích tuổi nợ để có kế hoạch thanh toán, các khoản nợ quá hạn chưa được thanh toán.
- Không hạch toán giảm công nợ phải trả trong trường hợp giảm giá hàng bán hay được hưởng chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán.
- Hạch toán xuất nhập khẩu ủy thác chưa đúng kì kế toán và theo dõi công nợ với đối tác nước ngoài chưa thích hợp.
- Quản lí và hạch toán công nợ phải trả chưa phù hợp và chặt chẽ. Những khoản công nợ phải trả không xác định được chủ nợ đã hạch toán tăng thu nhập khác, nhưng không đủ bằng chứng hợp lệ.
- Số liệu trên sổ tổng hợp và sổ chi tiết, bảng cân đối số phát sinh không khớp nhau và không khớp với hóa đơn, chứng từ gốc hoặc không khớp với thư xác nhận của Kiểm toán viên.
- Bù trừ số dư trả tiền trước cho người bán với số dư phải trả người bán không cùng đối tượng.
- Ghi nhận khoản phải trả không trên cơ sở hóa đơn chứng từ hoặc hóa đơn chứng từ không hợp lệ.
- Số liệu trên sổ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng với tổng phát sinh Nợ trên tài khoản phải trả không khớp nhau, có chênh lệch lớn.
- Các khoản phải trả với bên thứ ba không có chứng từ hợp lệ, không được ghi chép, phản ánh, trình bày hoặc phản ánh không hợp lí.
- Việc thanh toán cho người bán bằng tiền mặt với giá trị lớn thông qua các nhân viên của Công ty thể hiện việc quản lý tiền mặt chưa chặt chẽ, có thể xảy ra rủi ro bất lợi cho Công ty hoặc dẫn đến sự chiếm dụng vốn của Công ty cho các mục đích cá nhân do nhận tiền không kịp thời hạn thanh toán.

- Không hạch toán lãi chậm trả trên những khoản phải trả quá hạn thanh toán.
- Chưa tiến hành xử lý các khoản phải trả người bán không có đối tượng vào thu nhập khác.
- Thủ tục nhập kho báo sổ tiến hành chậm hơn so với bút toán trả tiền làm cho tại ngày 31/12 TK331 có số dư Nợ nhưng thực chất đây không phải là khoản trả trước cho người bán.
- Khoản giao dịch với số tiền lớn không kí hợp đồng mua hàng với người bán.
- Trường hợp hàng về nhưng hóa đơn chưa về, đơn vị phản ánh chưa đúng về mặt giá trị và chưa điều chỉnh hoặc điều chỉnh không đúng khi có hóa đơn về.

Hiện nay, để hạn chế những rủi ro, các doanh nghiệp đang có xu hướng sử dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán. Một phần mềm kế toán phù hợp với doanh nghiệp sẽ là một công cụ hữu hiệu hỗ trợ đắc lực cho doanh nghiệp trong công tác hạch toán các khoản phải thu, phải trả khách hàng... đảm bảo sự chính xác trong các số liệu, hạn chế tối đa những rủi ro có thể mắc phải, giúp cho kế toán viên tiết kiệm thời gian hơn và công việc cũng trở nên hiệu quả hơn rất nhiều

III. Những vướng mắc của kế toán tại doanh nghiệp khi thực hiện thông tư 96/2015/TT-BTC về công nợ phải thu, phải trả và hướng xử lý.

- Khi nói tới các khoản về công nợ phải thu, phải trả là vấn đề liên quan tới các khoản chi phí đầu vào của các Doanh nghiệp:

+ Các khoản phải thu, phải trả quá hạn lâu năm với giá trị trên hóa đơn lớn hơn 20 triệu. Vậy khoản nợ này sẽ được xử lý như thế nào để phù hợp?

Hướng xử lý:

- **Nếu là Nợ phải thu khách hàng:**

-Kế toán cần kiểm tra đầy đủ hồ sơ, chứng từ và hóa đơn bán hàng và phải có biên bản đối chiếu công nợ có xác nhận của khách hàng gần nhất. Nếu khoản nợ này phản ánh trên sổ kế toán của Doanh nghiệp lâu năm chưa thu hồi, thì kế toán phải tìm hiểu nguyên nhân tại sao lâu mà khách hàng không trả. Hay có thể kế toán ghi nhầm?

-Nếu xác định đây là khoản nợ khó đòi thì theo nguyên tắc thận trọng, kế toán tiến hành trích lập Dự phòng Nợ phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009 và Thông tư 78/2014/TT-BTC về thuế TNDN nhé. Nhưng lưu ý phải có bằng chứng xác thực về việc khách hàng mất khả năng thanh toán.

Khi trích lập dự phòng:

Định khoản: Nợ 6426 / Có 229

Đến khi có quyết định của Tòa tuyên bố khách hàng mất khả năng thanh toán hoặc giải thể thì kế toán định khoản: Nợ 229 / Có 131.

Khi xử lý giả sử không có quyết định của Tòa thì em phải hoàn nhập lại: Nợ 229 / Có 711

- **Nếu là Nợ phải trả cho người bán:**

-Cần kiểm tra hồ sơ mua hàng và biên bản đối chiếu công nợ gần nhất nhé.

-Nếu nợ lâu mà không xác định được chủ nợ thì theo Thông tư 78/2014, kế toán chuyển khoản nợ này sang thu nhập khác

Kế toán định khoản: Nợ 331 / Có 711

+ Khoản ứng trước tiền từ khách hàng hay cho nhà cung cấp tạm ứng trước nhưng khoản tạm ứng này sẽ được trừ dần vào quá trình nghiệm thu, hoàn thành dịch vụ. Cuối kỳ, kế toán hay bị chệch lệch rằng khoản tạm ứng này vẫn còn treo?

Hướng xử lý:

Giả sử tại một Doanh nghiệp A cung cấp dịch vụ cho Doanh nghiệp B. Tổng giá trị của gói dịch vụ này là 3.500.000.000 chưa VAT, vậy khi thỏa thuận ký kết Hợp đồng thì Doanh nghiệp B đồng ý cho DN A tạm ứng trước tổng gói dịch vụ là 10% trên giá trị chưa VAT là 350.000.000 đồng và phần tạm ứng này sẽ trừ dần vào từng đợt thanh toán là 10%/1 đợt. Đợt 1 hoàn thành phần công việc với tổng giá trị chưa VAT là 250.000.000 đồng. Vậy khoản tiền tạm ứng bị trừ là 25.000.000 đồng.

Khi gặp tình huống này thì kế toán viên sẽ xử lý như sau:

Hạch toán phần tạm ứng trước: Nợ 1121/Có 131 hoặc (nếu là cho NCC tạm ứng Nợ 331/Có 1121)

Đợt 1: Hồ sơ đi kèm: + Hóa đơn GTGT

+ Bảng kê xác nhận hoàn thành dịch vụ

+ Hợp đồng

+ Công văn đề nghị thanh toán

Khi nhận được đủ hồ sơ chứng từ kế toán hạch toán như sau:

DN A được tạm ứng từ khách hàng	DN A cho NCC tạm ứng	Ghi chú
Nợ 131 Có 5111 Có 3331	Nợ 632 (DN vừa và nhỏ) Nợ 1331 Có 331	Ghi theo giá trị trên hóa đơn
Nợ 1121 Có 131	Nợ 331 Có 1121	Khi thanh toán sẽ ghi nhận theo giá trị sau khi đã trừ đi 1 phần khoản tạm ứng

Cuối kỳ, Sau khi đã hoàn ứng đủ thì kế toán cần phải kiểm tra lại và bù trừ công nợ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Tài Chính (2001 – 2016), Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.

2. Bùi Công Khánh (2007), “Tư khuôn mẫu lý thuyết kế toán quốc tế nhìn về chuẩn mực chung kế toán Việt Nam”, Tạp chí kế toán.

3. Diễn đàn dân kế toán/Cộng đồng kế toán

4. Hove, M.R., The Anglo-American influence on International Accounting Standards, JAI Press, London.

5. Khảo sát ý kiến một số kế toán tại các doanh nghiệp thực tế
6. Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015
7. Một số Nghị định, văn bản pháp lý có liên quan
8. Quyết định 15/2006/TT-BTC và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014
9. Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư 96/2015/TT/BTC sửa đổi bổ sung cho thông tư 78
10. Williams, Eric J., Convergence of Global Accounting Standards, Earl K.Stice, School of Accountancy and Information Systems

Tác giả: Ths.PHẠM THỊ PHƯƠNG

Đơn vị: Viện Du lịch - Quản lý – Kinh Doanh

Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu